

Số: /GCN-SXD

Bắc Giang, ngày tháng 6 năm 2025

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Quyết định số 16/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Xây dựng tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty Cổ phần Kiểm định THT và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 21/5/2025.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty Cổ phần Kiểm định THT

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106829157. Đăng ký lần đầu: ngày 21/4/2015; đăng ký thay đổi lần thứ 5: ngày 08/01/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp.

Địa chỉ: Đội 3, Sơn Giao, xã Ngọc Sơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Điện thoại: 024 6652 4555.

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm trọng điểm THT.

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Đội 3, Sơn Giao, xã Ngọc Sơn, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 03.004 (*)

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Công ty CP Kiểm định THT;
- Bộ Xây dựng (để b/c);
- Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, QLCL_{Tháng}.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Quang Minh

**DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 03.004**

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành
xây dựng số: /GCN-SXD ngày /6/2025 của Sở Xây dựng)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	NHỰA BITUM	
1	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005
2	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005
3	Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005
4	Xác định điểm chớp cháy	TCVN 7498:2005
5	Xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 7499:2005
6	Xác định lượng hoà tan trong Trichlorethylene	TCVN 7500:2023
7	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:2005
8	Xác định độ nhớt động	TCVN 7502:2005
9	Xác định hàm lượng Paraphin	TCVN 7503:2005
10	Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504:2005
11	Xác định độ đàn hồi	TCVN 11194:2017
12	Xác định độ ổn định lưu trữ	TCVN 11195:2017
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ NHỰA TƯƠNG, NHỰA ĐƯỜNG AXIT	
13	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3:2011
14	Xác định lượng hạt quá cỡ (thử nghiệm sàng)	TCVN 8817-4:2011
15	Xác định điện tích hạt	TCVN 8817-5:2011
16	Xác định độ khử nhũ	TCVN 8817-6:2011
17	Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8817-7:2011
18	Xác định độ dính bám và tính chịu nước	TCVN 8817-8:2011
19	Thử nghiệm chung cát	TCVN 8817-9:2011
20	Thử nghiệm bay hơi	TCVN 8817-10:2011
21	Xác định khả năng trộn lẫn với nước	TCVN 8817-13:2011
22	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14:2011
23	Xác định độ dính bám với cốt liệu tại hiện trường	TCVN 8817-15:2011
	NHỰA ĐƯỜNG LỎNG	
24	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 8818-2:2011
25	Xác định hàm lượng nước	TCVN 8818-3:2011
26	Thử nghiệm chung cát	TCVN 8818-4:2011
27	Xác định độ nhót tuyệt đối (sử dụng nhót kế mao dẫn chân không)	TCVN 8818-5:2011
	THỬ NGHIỆM MASTIC CHÈN KHE	
28	Độ kim lún	AASHTO T187
29	Cường độ dính kết với bê tông	ASTM D5329 TCVN 9491:2012
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
30	Bột khoáng cho bê tông nhựa: Xác định thành phần hạt, độ ẩm, hệ số thích nước	TCVN 12884-2:2020; AASHTO T37
	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA	
31	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011
32	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết	TCVN 8860-2:2011
33	Xác định thành phần hạt sau khi chiết	TCVN 8860-3:2011
34	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011
35	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011
36	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
37	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
38	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011
39	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011
40	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011
41	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011
42	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011
43	Thí nghiệm xác định cường độ kéo khi ép chẻ của vật liệu hạt liên kết bằng các chất kết dính	TCVN 8862:2011
44	Xác định độ hao mòn Cantabro	TCVN 11415:2016
45	Thí nghiệm độ rỗng liên thông	TCVN 13048:2024
46	Thí nghiệm độ thấm nước của bê tông nhựa	TCVN 11634-1:2017
	THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA	
47	Thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006
48	Xác định thành phần thạch học	TCVN 7572-3:2006
49	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006
50	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006
51	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006
52	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006
53	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006
54	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006
55	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006
56	Xác định độ nén đập và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
57	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006
58	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006
59	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:2006;

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
		AASHTO T112
60	Xác định hàm lượng sét cục và hạt mềm yếu	AASHTO T112
61	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:06
62	Xác định hệ số đương lượng cát (ES)	ASTM D2419-91 AASHTO T176
63	Phương pháp xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012
64	Độ góc cạnh của cốt liệu thô	TCVN 11807:2017
65	Cát nghiền cho bê tông và vữa: Xác định hạt lượng hạt <0,075mm	TCVN 9205:2012; AASHTO T11
	THỬ NGHIỆM XI MĂNG	
66	Xác định độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023
67	Xác định độ bền uốn và nén của xi măng	TCVN 6016:2011
68	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015
	PHỤ GIA HÓA HỌC, TRO BAY	
69	Xác định độ mịn theo lượng sót trên sàng 45µm	TCVN 8827:2011
70	Phụ gia khoáng khoáng cho bê tông đầm lăn: Xác định lượng nước yêu cầu	TCVN 8825:2011
71	Xác định chỉ số hoạt tính cường độ	TCVN 6882:2016
72	Phụ gia hóa học cho bê tông: Xác định hàm lượng chất khô, khối lượng riêng, độ pH, hàm lượng tro, hàm lượng nước trộn; thời gian đông kết; cường độ nén	TCVN 8826:2011
	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NẶNG	
73	Xác định tính công tác của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022 ASTM C1611
74	Thử độ cứng Vebe	TCVN 3107:2022
75	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993
76	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:2022 ASTM C1610 ASTM C232
77	Phân tích thành phần hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3110:1993
78	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:2022
79	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022
80	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:2022
81	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022
82	Xác định độ chống thấm	TCVN 3116:2022
83	Thử độ co	TCVN 3117:2022
84	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022
85	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022
86	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bẻ	TCVN 3120:2022
87	Xác định nhiệt độ hỗn hợp bê tông	ASTM C1064
	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG, BỘT BÀ	

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
88	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022
89	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022
90	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2022
91	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2022
92	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:2022
93	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:2022
94	Xác định độ trương nở của vữa	ASTM C490 TCVN 12003:2018 TCVN 7713 : 2007
95	Xác định độ tách nước, độ co ngót của vữa	ASTM C940
96	Bột bả tường gốc xi măng: xác định độ mịn, thời gian đông kết; độ giữ nước; cường độ bám dính.	TCVN 7239:2014
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG		
97	Xác định khối lượng riêng	TCVN 4195:2012
98	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012
99	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012
100	Xác định thành phần hạt	TCVN 4198:2014
101	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng.	TCVN 4199:1995
102	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012
103	Xác định độ chặt tiêu chuẩn, đầm nén Proctor	TCVN 4201:2012; TCVN 12790:2020
104	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012
105	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020;
106	Thí nghiệm môđun đàn hồi của vật liệu trong phòng thí nghiệm	TCVN 9843 : 2013
107	Xác định độ bền nén một trục nở hông	ASTM D2166; TCVN 9438:2012
108	Xác định hệ số thấm K	ASTM D2434 TCVN 8723:2012
109	Trương nở của đất	ASTM D4546:85 TCVN 8719:2012
110	Xác định hàm lượng hữu cơ của đất	TCVN 8726:2012; AASHTO T267
111	Xác định hàm lượng muối dễ hòa tan	TCVN 9436:2012
THÉP, KIM LOẠI, MỎI HÀN		
112	Thử kéo	TCVN 197-1:2014; TCVN 7937-1:2013; TCVN 7937-2:2013; TCVN 314:2008; ASTM A370
113	Thử uốn	TCVN 198:2008;

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
		TCVN 5891:2008; ASTM A370
114	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 8310:2010; TCVN 8311:2010
115	Thử uốn mối hàn kim loại	TCVN 5401:2010
116	Kiểm tra không phá hủy mối hàn - PP siêu âm	TCVN 1548:1987; TCVN 6735:2018
117	Kiểm tra không phá hủy mối hàn - PP dùng bột từ	TCVN 4396:2018
118	Đo chiều dày lớp phủ bằng phương pháp bột từ	TCVN 5877:1995; TCVN 5878:2007
119	Xác định cường độ kéo nhỏ	TCVN 9490:2012; ASTM C900; ASTM E1512 ASTM D4435
120	Bu lông, vít, vít cấy, đai ốc: Xác định kích thước, thử kéo	TCVN 1916:1995; TCVN 197:2014; ASTM A370
121	Rọ đá mạ kẽm - Xác định kích thước mắt lưới, đường kính dây thép	ASTM D975
122	Thử tải nắp hố ga, song chắn rác	TCVN 10333-3:2014 BS EN 124:15
THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG		
123	Đo dung trọng, độ ẩm độ chặt của đất bằng phương pháp dao dai	TCVN 12791:2020; TCVN 8729:2012
124	Xác định độ chặt nền, móng đường bằng phễu rót cát	22TCN 346:06; TCVN 8729:2012 AASHTO T191
125	Xác định độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011
126	Xác định mô đun biến dạng và sức chịu tải của đất nền bằng bàn nén phẳng	TCVN 9354:2012
127	Xác định độ bằng phẳng nền đường theo chỉ số gồ ghề quốc tế IRI	TCVN 8865:2001
128	PP thử nghiệm xác định mô đun đàn hồi của đất nền và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
129	Xác định mô đun đàn hồi chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867:2011
130	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011
131	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng con lăn Anh	TCVN 10271:2014
132	Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9335:2012
133	Xác định cường độ bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
134	Phương pháp siêu âm xác định khuyết tật	TCVN 13537:2022
135	Lớp phủ mặt kết cấu xây dựng - Phương pháp kéo đứt thử độ bám dính nền	TCVN 9349:2012
136	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012
137	Thí nghiệm cọc khoan nhồi bằng PP siêu âm	TCVN 9396:2012
138	Thí nghiệm cường độ nền mặt đường bằng thiết bị đo động	22TCN 335:2006
139	Xác định số phân cấp mặt đường bằng thiết bị đo vòng bằng quả nặng thả rơi	TCVN 11365:2016
140	Thí nghiệm độ chặt hiện trường của đất và đá đắp bằng phương pháp thay thế nước trong hố	ASTM D5030
141	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường	22TCN 355:2006 ASTM D2573
142	Thử nghiệm cơ lý Bentonite: Khối lượng riêng; độ nhớt; độ pH; hàm lượng cát; lực cắt tĩnh	TCVN 11893:2017
	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY	
143	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009
144	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:2009
145	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009
146	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009
147	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009
148	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009
149	Xác định vết tróc do vôi	TCVN 6355-7:2009
150	Xác định sự thoát muối	TCVN 6355-8:2009
151	Gạch Bê tông: Thí nghiệm kích thước, khuyết tật ngoại quan, cường độ nén, độ rỗng, độ hút nước, độ thấm nước	TCVN 6477:2016
152	Gạch bê tông tự chèn: Xác định thước, khuyết tật ngoại quan, cường độ nén, độ hút nước, độ mài mòn	TCVN 6476:1999
	GẠCH GÓM ỐP LÁT	
153	Xác định kích thước và chất lượng bề mặt	TCVN 6415-2:2016
154	Xác định độ hút nước, độ xốp biểu kiến, khối lượng riêng tương đối và khối lượng thể tích	TCVN 6415-3:2016
155	Xác định độ bền uốn và lực uốn gãy	TCVN 6415-4:2016
156	Xác định độ bền mài mòn bề mặt đối với gạch phủ men	TCVN 6415-7:2016
157	Xác định độ cứng bề mặt theo thang Mohs	TCVN 6415-18:2016
	THỬ NGHIỆM SƠN, MÀNG PHẢN QUANG, VẬT LIỆU KẼ ĐƯỜNG NHIỆT ĐỎ	
158	Xác định độ khô và thời gian khô	TCVN 2096-1:2015
159	Sơn tín hiệu giao thông: độ bám dính	TCVN 8787:2011
	THỬ NGHIỆM MÀNG CHỐNG THẨM	
160	Xác định chiều dày	ASTM D751

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
161	Xác định khối lượng riêng	ASTM D1505
162	Xác định cường độ chịu kéo và độ giãn dài	ASTM D638
	BẢNG CHẶN NƯỚC PVC	
163	Xác định khối lượng riêng	TCVN 4866:2013
164	Độ cứng Shore	TCVN 1595-1:2013
165	Cường độ kéo và độ giãn dài khi kéo đứt	TCVN 4509:2020
166	Xác định tỷ lệ thay đổi khối lượng ở 70°C	TCVN 9409-3:2014
167	Xác định độ bền hóa chất	TCVN 9407:2014
	ỐNG BÊ TÔNG CỐT THÉP THOÁT NƯỚC; ỐNG KIM LOẠI; ỐNG NHỰA PPR, PVC, HDPE VÀ PHỤ KIỆN	
168	Ống bê tông cốt thép thoát nước - Kiểm tra khuyết tật ngoại quan	TCVN 9113:2012
169	Ống nhựa - Xác định kích thước	TCVN 6145:2007
170	Ống nhựa - Xác định độ thay đổi kích thước theo chiều dọc	TCVN 6148:2007
171	Ống uPVC – Thí nghiệm độ bền va đập bên ngoài	TCVN 6144:2003

Ghi chú (*) - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.
